

Bản án số: 39/2021/HS-ST
Ngày 27-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐHPTST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Cụm 4, xã V, huyện V1, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đào Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Huyền T và có một con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 09-4-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15-4-2021; có mặt.

2. Vũ Xuân C, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1993 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Cụm 4, xã V, huyện V1, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Tiến S và bà Nguyễn Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 09-4-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15-4-2021; có mặt.

3. Phạm Minh T2, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1998 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐM, huyện V1, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V2 và bà Phạm Thị T3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 09-4-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15-4-2021; có mặt.

4. Vũ Văn A1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1984 tại Hải Phòng; ĐKHKTT: Thôn 9, xã ĐW, huyện CJ, tỉnh ĐN; chỗ ở hiện nay: Cụm 10, xã V, huyện V1, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị L; có vợ là H Nga BK Rông và có ba con; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 95/QĐ-XPHC ngày 18-7-2020 của Công an huyện Vĩnh Bảo phạt tiền Vũ Văn A1 350.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 11-8-2020, Vũ Văn A1 đã thi hành nộp số tiền 350.000 đồng tại Kho bạc Nhà nước huyện Vĩnh Bảo. Tính đến ngày 09-4-2021, Vũ Văn A1 mới chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được 07 tháng 28 ngày (chưa đủ 01 năm) nên chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; tạm giữ ngày 09-4-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15-4-2021; có mặt.

5. Vũ Văn H2, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1992 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Cụm 10, xã V, huyện V1, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H3 và bà Đỗ Thị H4; đã ly hôn chị Nguyễn Thị Y và có một con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 09-4-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15-4-2021; có mặt.

6. Vũ Văn T3, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1992 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Cụm 4, xã V, huyện V1, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị K; có vợ là Đoàn Thị H5 và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 09-4-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15-4-2021; có mặt.

7. Đỗ Văn T4, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1983 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Cụm 8, xã V, huyện V1, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trọng T5 và bà Vũ Thị H6; có vợ là Đặng Thị N và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 09-4-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15-4-2021; có mặt.

8. Vũ Mạnh H6, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1991 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Cụm 4, xã V, huyện V1, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quang C và bà Trần Thị H7; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ H8 và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 09-4-2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15-4-2021; có mặt.

- *Người chứng kiến*: Chị Nguyễn Thị Huyền T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 09-4-2021, Công an huyện Vĩnh Bảo bắt quả tang tại tầng 2 quán Internet của Nguyễn Tiến A có 08 đối tượng đang đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền, gồm: Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn A1, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6. Thu tại chỗ đánh bạc 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá; 01 chiếu nhựa và 4.280.000 đồng. Thu trên người của Nguyễn Tiến A 514.000 đồng và 01 điện thoại Iphone XS màu vàng đồng; của Vũ Xuân C 1.390.000 đồng; của Vũ Văn H2 2.560.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng; của Vũ Văn T3 1.650.000 đồng; của Đỗ Văn T4 11.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6s màu xám; của Vũ Mạnh H6 5.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 12 ProMax; của Phạm Minh T2 01 điện thoại Iphone 8 plus màu vàng đồng và 3.700.000 đồng và 01 ví da màu đen; của Vũ Văn A1 11.000 đồng và 01 điện thoại Sam Sung A10 màu đen.

Các bị cáo đều khai nhận: Sáng ngày 09-4-2021, các bị cáo đến quán Internet của Nguyễn Tiến A để chơi điện tử. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Hưng, Chiến và Vũ Văn A1 lên tầng 2 của quán để uống nước rồi cùng rủ nhau sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá có sẵn ở đó để đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Một lúc sau thì Hiếu, Thuận, Thắng, Toàn và Nguyễn Tiến A lần lượt đi lên tầng 2 của quán và đã tham gia đánh bạc cùng. Việc đánh liêng theo cách thức và quy ước như sau: Từ bộ bài tú lơ khơ gồm có 52 lá bài, chia cho mỗi người chơi 03 lá bài. Người nào có 3 lá bài cùng số giống nhau thì gọi là “Sáp”. Người nào có 3 lá bài liên tiếp với nhau thì gọi là “Liêng”. Người nào có 3 lá bài đều là hình người nhưng không phải là “Sáp” và “Liêng” thì gọi là “Đĩ”. Người nào có 3 lá bài không phải là “Sáp”, “Liêng” hoặc “Đĩ” thì cộng số của 3 lá bài lại để tính điểm. Các bộ bài được đánh giá theo thứ tự từ thấp đến cao, trong đó bộ bài “Sáp” là to nhất rồi lần lượt theo thứ tự là “Liêng”, sau đó là “Đĩ” và cuối cùng là “Điểm”. Người nào có bộ bài cao nhất thì thắng và là người chia bài ở ván tiếp theo. Mỗi ván bài, những người chơi phải đặt cược tối thiểu là 10.000 đồng (gọi là góp gà). Sau đó người chia bài sẽ là người đầu tiên được quyền lựa chọn là

úp bài hoặc đặt cược tiếp theo (hay còn gọi là tố). Tiếp theo những người chơi còn lại sẽ lựa chọn là úp bài (bỏ bài) hoặc theo (tức là đặt cược bằng số tiền mà người trước đó đã đặt) hoặc tố thêm (tức là đặt cược lớn hơn số tiền mà người trước đó đã đặt). Trong quá trình đánh, mọi người có quyền tố thêm nhiều lần nhưng không được vượt quá 100.000 đồng và ván bài chỉ kết thúc khi không còn người nào theo hoặc tố thêm nữa. Nếu người nào thắng trong ván đó thì được tất cả số tiền của những người chơi khác đã đặt cược và ngược lại, người nào thua thì mất toàn bộ số tiền mà mình đã đặt cược. Đồng thời nếu người nào có bộ bài “Sáp” thì được thêm của tất cả những người chơi khác là 100.000 đồng/người. Khi đánh bạc, Nguyễn Tiến A có 1.014.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc nhưng mới bỏ ra 500.000 đồng để đánh và đang hòa thì bị bắt; Vũ Xuân C có 2.000.000 đồng, cất riêng 500.000 đồng ở túi quần trước bên trái để chi tiêu cá nhân, không dùng để đánh bạc, còn lại 1.500.000 đồng sử dụng đánh bạc và đang thua thì bị bắt nên đã cầm số tiền còn lại là 890.000 đồng cho vào túi quần sau bên phải; Vũ Văn H2 có 3.060.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 2.560.000 đồng là tiền chi tiêu cá nhân, không dùng để đánh bạc và đang thua thì bị bắt; Vũ Văn T3 có 2.150.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 1.650.000 đồng là tiền chi tiêu cá nhân, không dùng để đánh bạc và đang thua thì bị bắt; Đỗ Văn T4 có 511.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 11.000 đồng là tiền lẻ, không dùng để đánh bạc và đang thua thì bị bắt; Vũ Mạnh H6 có 355.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 350.000 đồng để đánh bạc, còn lại 5.000 đồng là tiền lẻ, không dùng để đánh bạc và đang thua thì bị bắt; Phạm Minh T2 có 4.470.000 đồng, cất riêng 3.000.000 đồng ở túi quần trước bên phải để chi tiêu cá nhân, không dùng để đánh bạc. Còn lại 1.470.000 đồng sử dụng để đánh bạc và đang thua thì bị bắt nên đã cầm số tiền còn lại là 700.000 đồng cho vào túi quần trước bên trái; Vũ Văn A1 có 561.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 550.000 đồng để đánh bạc, còn lại 11.000 đồng là tiền lẻ, không dùng để đánh bạc và đang thua thì bị bắt. Quá trình đánh bạc, giữa các bị cáo không có người nào đứng ra tổ chức hoặc thu tiền hồ, tiền phí.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 02-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn A1, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo và thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn A1, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn

T4 và Vũ Mạnh H6 về tội Đánh bạc như nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn A1 mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù (trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ bằng 06 ngày chấp hành án phạt tù); áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến A mức án tù 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Xuân C và Phạm Minh T2 mức án tù 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn H2 và Vũ Văn T3 mức án tù 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T4 mức án tù 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Mạnh H6 mức án tù 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ (trừ cho mỗi bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ); trong thời gian cải tạo không giam giữ các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6; áp dụng Điều 35, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài; 01 chiếc nhựa; tịch thu sung quỹ Nhà nước 6.384.000 đồng; trả lại Nguyễn Tiến A 01 điện thoại Iphone XS màu vàng đồng; trả lại Vũ Xuân C 500.000 đồng; trả lại Phạm Minh T2 01 điện thoại Iphone 8 plus màu vàng đồng, 01 ví da màu đen và 3.000.000 đồng; trả lại Vũ Văn A1 01 điện thoại Sam Sung A10 màu đen và 11.000 đồng; trả lại Vũ Văn H2 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng gold và 2.560.000 đồng; trả lại Vũ Văn T3 1.650.000 đồng; trả lại Đỗ Văn T4 01 điện thoại Iphone 6s màu xám và 11.000 đồng; trả lại Vũ Mạnh H6 01 điện thoại Iphone 12 ProMax và 5.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về những tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cung cấp. Do đó những tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cung cấp trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, đủ cơ sở xác định: Ngày 09-4-2021, tại quán Internet của Nguyễn Tiến A ở Cụm 4, xã V, huyện V1, thành phố H, Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn A1, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 đang cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền bằng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 6.384.000 đồng, trong đó 4.280.000 đồng thu được trên chiếu bạc và 2.104.000 đồng thu giữ trong người các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bởi vậy, cần phải được xử lý nghiêm.

[5] Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo: Nguyễn Tiến A mặc dù biết các đối tượng Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn A1, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 có hành vi đánh bạc tại nơi mình đang quản lý nhưng không ngăn cản mà còn tham gia và sử dụng 1.014.000 đồng để đánh bạc, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Vũ Xuân C sử dụng

1.500.000 đồng để đánh bạc, Phạm Minh T2 sử dụng 1.470.000 đồng để đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau nhưng thấp hơn Nguyễn Tiến A. Vũ Văn A1 sử dụng 550.000 đồng để đánh bạc, Vũ Văn H2 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, Vũ Văn T3 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, Đỗ Văn T4 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau và thấp hơn Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C và Phạm Minh T2. Vũ Mạnh H6 sử dụng 350.000 đồng để đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Văn A1, và Vũ Mạnh H6 có bố tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; Vũ Xuân C, Đỗ Văn T4 có thời gian tham gia quân đội và có bố tham gia quân đội, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; Phạm Minh T2 có bố tham gia quân đội. Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần coi đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác đối với các bị cáo.

[8] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, tính chất của đồng phạm, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Xét thấy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo trừng trị người phạm tội, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[8.1] Bị cáo Vũ Văn A1 có 01 tiền sự chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính (như phần căn cứ, lý lịch đã nêu), nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tù trên mức khởi điểm đề nghị của Viện kiểm sát, buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đảm bảo trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[8.2] Đối với Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã

hội mà có thể áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Về việc khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự, người bị kết án cải tạo không giam giữ còn bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Thấy rằng, các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài; 01 chiếc nhựa là vật liên quan đến việc phạm tội, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên tịch thu tiêu hủy; đối với 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng gold thu giữ của Vũ Văn H2; 01 điện thoại Iphone 6s màu xám của Đỗ Văn T4; 01 điện thoại Iphone 12 ProMax của Vũ Mạnh H6; 01 điện thoại Iphone 8 plus màu vàng đồng, 01 ví da màu đen của Phạm Minh T2; 01 điện thoại Sam Sung A10 màu đen của Vũ Văn A1; 01 điện thoại Iphone XS màu vàng đồng của Nguyễn Tiến A không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại các bị cáo; đối với số tiền 14.121.000 đồng thu giữ của các bị cáo, trong đó 6.384.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 7.737.000 đồng, trong đó của Vũ Xuân C 500.000 đồng, Phạm Minh T2 3.000.000 đồng, Vũ Văn A1 11.000 đồng, Vũ Văn H2 2.560.000 đồng, Vũ Văn T3 1.650.000 đồng, Đỗ Văn T4 11.000 đồng và của Vũ Mạnh H6 5.000 đồng là tiền riêng của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại các bị cáo.

[12] Đối với chị Nguyễn Thị Huyền T (là vợ của Nguyễn Tiến A) khi các bị cáo đánh bạc, chị Trâm ở trong phòng không biết và không được hưởng lợi gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo không xử lý đối với chị Trâm là phù hợp quy định pháp luật.

[13] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm đối với mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị

cáo Vũ Văn A1 07 (Bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Bị cáo được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 09-4-2021 đến ngày 15-4-2021). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Vũ Văn A1. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính kể từ ngày tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến A 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Vũ Xuân C 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh T2 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T4 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Vũ Mạnh H6 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn H2 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T3 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Mỗi bị cáo (Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6) được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 09-4-2021 đến ngày 15-4-2021) bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Minh T2 cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Minh T2 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành án thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng và phải thực hiện những nghĩa vụ khác theo quy định tại các điều 99, 100, 101 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6.

Căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6.

Căn cứ vào Điều 35, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền mỗi bị cáo (Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn A1, Vũ Văn H2, Vũ Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6) 10.000.000 (Mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài, 01 chiếc nhựa; tịch thu sung quỹ Nhà nước 6.384.000 đồng; trả lại Nguyễn Tiến A 01 điện thoại Iphone XS màu vàng đồng đã qua sử dụng (bên trong lắp sim số 0962332881); trả lại Vũ Xuân C 500.000 đồng; trả lại Phạm Minh T2 01 điện thoại Iphone 8 plus màu vàng đồng đã qua sử dụng (bên trong lắp sim số 0941883269), 01 ví da màu đen đã cũ, đã qua sử dụng và 3.000.000 đồng; trả lại Vũ Văn A1 01 điện thoại Sam Sung A10 màu đen đã qua sử dụng (bên trong lắp sim số 0365669338) và 11.000 đồng; trả lại Vũ Văn H2 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng gold đã qua sử dụng, (không lên nguồn, bên trong không có sim), màn hình bị vỡ, số IMEI: 3533220734753338 và 2.560.000 đồng; trả lại Vũ Văn T3 1.650.000 đồng; trả lại Đỗ Văn T4 01 điện thoại Iphone 6s màu xám đã qua sử dụng (bên trong lắp sim số 0967368983, số IC 579C-E2946A) và 11.000 đồng; trả lại Vũ Mạnh H6 01 điện thoại Iphone 12 ProMax đã qua sử dụng (bên trong lắp sim số 0987083626), số seri DNP2D3QRN6YK và 5.000 đồng theo Biên bản giao nhận vật chứng và Biên lai thu tiền ngày 05-7-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo.

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo Nguyễn Tiến A, Vũ Xuân C, Phạm Minh T2, Vũ Văn A1, Vũ Văn H2, Vũ

Văn T3, Đỗ Văn T4 và Vũ Mạnh H6 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm đối với mỗi bị cáo là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV06, PC10);
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu: HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hữu Hường